Đặc trưng tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long

- **Nguyễn Ngọc Thơ**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu xuất phát từ Phúc Kiến (Trung Quốc), theo bước chân di dân người Hoa Nam đã lan tỏa đến nhiều vùng đất tại Nam bộ Việt Nam. Tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có hơn 50 miếu Thiên Hậu do người Hoa và người Việt xây dựng và tổ chức sinh hoạt tín ngưỡng. Trong tâm thức người dân đồng bằng, Thiên Hậu vừa là hải thần, thần bảo vệ, mà còn là phúc thần, vị thánh mẫu từ bi, được người Việt tiếp nhận qua ngả Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu dân gian. Sinh hoạt tín ngưỡng Thiên Hậu tại ĐBSCL vừa thể hiện đặc trưng mang tính bản sắc văn hóa người Hoa vừa là một minh chứng sống động cho quá trình hỗn dung đa văn hóa của cư dân vùng đất này. Bài viết này khảo sát hiện trạng tổ chức sinh hoạt tín ngưỡng Thiên Hậu để làm nổi bật các đặc trưng cơ bản của tục thờ này tại ĐBSCL.

Từ khóa: *Thiên Hậu, ĐBSCL, thờ Mẫu, bản sắc, hỗn dung văn hóa*

1. Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu và quá trình truyền bá đến Việt Nam

Bàn về khái niệm "tín ngưỡng", *Từ điển tiếng Việt* (Nguyễn Như Ý, cb. 2004: 1646) định nghĩa là "lòng tin và sự tôn thờ một tôn giáo", tức cho *tín ngưỡng* chỉ tồn tại trong một *tôn giáo*. Theo từ nguyên, "tín (信)" là đức tin, niềm tin, sự trông cậy, còn "ngưỡng (仰)" là sự ngưỡng mộ, sự ngưỡng vọng. Theo Đào Duy Anh (1957: 283), tín ngưỡng là "lòng ngưỡng mộ, mê tín đối với một tôn giáo hoặc một chủ nghĩa". Ngô Đức Thịnh thì thảo luận cụ thể hơn: "Tín ngưỡng được hiểu là niềm tin của con người vào cái gì đó thiêng liêng, cao cả, siêu nhiên, hay nói gọn lại là niềm tin, ngưỡng vọng vào "cái thiêng", đối lập với cái "trần tục", hiện hữu mà ta có thể sờ mó, quan sát được… Niềm tin của tín ngưỡng là niềm tin vào "cái thiêng". Do vậy, niềm tin vào cái thiêng thuộc về bản chất của con người, nó là nhân tố cơ bản tạo nên đời sống tâm linh của con người, cũng như giống đời sống vật chất, đời sống xã hội tinh thần, tư tưởng, đời sống tình cảm..." (Ngô Đức Thịnh, 2001: 16). Trong khi đó, *Pháp lệnh về tín ngưỡng tôn giáo của Nhà nước Việt Nam* (2007) ghi rõ: "Tín ngưỡng là hoạt động thể hiện sự tôn thờ tổ tiên; tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng; thờ chúng thần, thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội". Như vậy, thuật ngữ chung "tín ngưỡng" có thể hiểu nôm na là *hệ thống giá trị niềm tin mang tính tâm linh được con người tạo ra nhằm gửi gắm những ước vọng tốt đẹp cũng như mong muốn được các thế lực siêu nhiên che chở để tránh được những tai họa hay những nỗi sợ hãi từ thế giới khách quan*. Tín ngưỡng mang nguồn gốc của sự bất lực của con người trước thế giới khách quan và quy luật của nó do con người thần thánh hóa các hiện

tượng ấy thành các thế lực siêu nhiên và tôn thờ (xem thêm Edward L. Shaughnessy, 2005: 102).

Tại khu vực Đông Á, yếu tố tín ngưỡng đóng vai trò rất lớn trong hầu hết các nền văn hóa. Nó đi vào đời sống tâm linh một cách sâu sắc, chi phối nhiều mặt của đời sống xã hội và tinh thần như phong tục, lễ hội, chiêm bốc, nghệ thuật, v.v… Tín ngưỡng dân gian vùng này mang các đặc trưng cơ bản như tính đa thần, tính thiên về thờ Mẫu, nhất là từ vùng Hoa Nam đến Đông Nam Á (Nguyễn Ngọc Thơ, 2009).

Bàn về các chức năng cơ bản của tín ngưỡng như một hiện tượng văn hóa, nhà xã hội học người Mỹ Robert K.Merton (1968) cho rằng các hiện thực văn hóa có hai tầng chức năng, gồm (1) chức năng thể hiện (manifest function) và (2) chức năng tiềm ẩn (latent function). Ở chức năng tiềm ẩn vai trò của các nhân tố xã hội không thường được ẩn tích dưới bề mặt của các hành động văn hóa (cultural practice), khó có thể nhận thức đến nếu không quan tâm sâu sắc. Chức năng xã hội đôi khi được nâng thành hoặc gắn kết chặt chẽ với chức năng tâm linh. Còn theo Malinowski (Malinowski, 1994), sự tồn tại của một hiện tượng văn hóa sau đó phụ thuộc vào sức ảnh hưởng của nó đến sự thích ứng của văn hóa, hay còn gọi là "giá trị tồn tại". Các hiện thực văn hóa thường mang trong mình khả năng các đáp ứng các nhu cầu sinh học thực tế cũng như đáp ứng hai chức năng *chức năng tâm lý xã hội* (giáo dục xã hội) và *chức năng tâm linh*. Lấy lễ hội tâm linh của các miếu thiêng làm thí dụ tiêu biểu, ngoài chức năng khoả lấp nhu cầu tâm linh (thể hiện sự kính trọng đến thần thánh, cầu mong ở thần thánh) là các chức năng đoàn kết cộng đồng và thoả mãn các nhu cầu sinh học như nghỉ ngơi, ăn uống, gặp gỡ trò chuyện, làm quen, liên kết...

Tín ngưỡng Ma Tổ - Thiên Hậu hình thành vào thời Tống tại đảo Mi Châu, Bồ Điền, Phúc Kiến, Trung Quốc. Bà tên thật là Lâm Mặc (林默 Lin Mo) thường được gọi là Lâm Mặc Nương (林默娘 Lin Moniang), sinh ngày 23 tháng 3 năm 960, là một nữ vu sư nổi tiếng, con gái một ngư dân (Mã Thư Điền, Mã Thư Hiệp, 2006: 8-10). Theo cuốn *Trung Quốc Đại Thanh hội điển sự lệ. Bồ Tát ngoại truyện*（中國大清會典事例。菩薩外傳）cũng như nhiều địa phương chí có ghi chép: bà Lâm Mặc rất thông minh, tháo vát, giúp dân vượt hoạn nạn và dạy dân cách sống văn minh, thoát bệnh tật. Một ngày nọ bà ngủ trưa, thấy cha và anh trai gặp bão biển, bà dùng năng lực đặc biệt cứu được anh trai. Trong khi đang cố gắng cứu cha thì bà bị mẹ lay dậy nên không cứu được cha. Về sau bà thường dùng năng lực thần thánh của mình để cứu giúp dân, bao gồm dạy dân dùng rau rong biển cứu đói, cầu mưa, treo chiếu làm buồm, hàng phục hai thần Thuận Phong Nhĩ và Lí Thiên Nhãn, giải trừ thủy tai - quái phong, thu phục nhị quái, chữa bệnh cứu dân, nhận bùa dưới giếng, thăng thiên ở đảo Mi Châu, v.v… Người đời tin rằng bà là con gái Ngọc Hoàng. Bà qua đời ngày 9 tháng 9 năm 987 ở tuổi 28, ban đầu dân ở đảo Mi Châu dựng miếu thờ bà, gọi là Ma Tổ. Tương truyền bà thường hiển linh cứu giúp người đi biển nên dân gian ví bà là vị hải thần[1] (Chu Thiên Thuận 1990: 86; Lý Lộ Lộ 1995: 19-23; La Xuân Vinh 2006: 1-4).

Đến năm 1086, nhà Nam Tống chính thức cổ xúy cho tín ngưỡng này, được vua Tống Tuyên Hoà (1119-1125) sắc phong làm *Linh Huệ Phi* (靈惠妃), nhờ vậy phạm vi ảnh hưởng càng ngày càng mở rộng. Đến năm 1195, vua Tống Ninh Tông tiếp tục sắc tứ "Trợ Thiên" cho bà (Từ Hiểu Vọng 2007: 75), trong khi người đời gọi bà là Thánh phi. Đến thời Nguyên sơ bà được phong làm *Thiên phi* (天妃, năm thứ 15 thời Nguyên Thế Tổ), kể từ đó tín ngưỡng Ma Tổ phát triển lên vùng hạ lưu Dương Tử, bán đảo Sơn Đông. Từ thời Minh trở về sau do nhu cầu giao thương hàng hải với khu vực Đông Nam Á, tín ngưỡng này truyền bá xuống Lĩnh Nam, Đài Loan và Đông Nam Á. Đời Thanh Khang Hy (năm 1682), bà được gia phong *Thiên Hậu*

[1] Có ghi trong *Thiên Hậu chí, Lâm hiếu nữ sự thực, Thiên phi hiển thánh lục, Di Kiên Chí.*

Thánh Mẫu (xem Lý Hiến Chương 1995; Từ Hiểu Vọng 2007: 199-201)[2]. Tên gọi đặc khu hành chính Macau được cho là bắt nguồn từ danh từ "Ma Các" (媽閣= miếu Ma Tổ). Cuốn *Ma Tổ cung tập thành* (媽祖宮集成) ghi chép tại Trung Quốc có hơn 450 huyện, thị, thành phố có miếu Thiên Hậu. Người Mân Nam (nam Phúc Kiến) và Hải Nam thích gọi bà là *Đại Mẫu* hoặc *Ma Tổ* (媽祖Mazu), người Quảng Đông gọi là *Đức Bà* hay *Thiên Hậu*. Ở Hà Tiên và bán đảo Cà Mau (Việt Nam), nhiều người dân trong vùng quen gọi là Bà Mã Châu[3]. Trong bài viết này chúng tôi gọi bà là Thiên Hậu, bởi lẽ bà có mặt ở Việt Nam tương đối muộn, được tuyệt đại đa số người dân gọi là Thiên Hậu.

Tín ngưỡng Thiên Hậu tại Trung Quốc trải qua hơn 1000 năm lịch sử, tồn tại trong mối dung hòa với Đạo giáo, Phật giáo và quan hệ thỏa hiệp với Nho giáo, dung hòa kiến tạo nên diện mạo văn hóa Hoa Nam (La Xuân Vinh 2006). Song xét về bản chất, tục thờ này cơ bản vẫn là tín ngưỡng dân gian, mang đầy đủ các đặc trưng truyền thống của dòng văn hóa dân gian gần gũi, giản dị. Ở một phương diện nào đó, người Hoa Nam dùng tín ngưỡng Thiên Hậu cùng với các tín ngưỡng thờ Mẫu khác làm đối trọng với văn hóa quan phương "nam tôn nữ ti" phương Bắc (Nguyễn Ngọc Thơ, 2011) bởi lẽ tín ngưỡng Thiên Hậu thấm đẫm các đặc trưng tính cách văn hóa phương Nam – nơi sản sinh ra nó.

Người Trung Hoa và Đài Loan thờ Ma Tổ - Thiên Hậu, coi bà là thủy-hải thần, là nữ thần hộ mệnh; nữ thần sinh sôi, nữ thần khai sơn, v.v…, có khi đồng nhất với Quan âm trong Phật giáo dân gian, với Tây vương Thánh Mẫu trong Đạo giáo, với Lâm Thủy phu nhân, Kim Hoa phu nhân trong tín ngưỡng thờ Mẫu vùng Hoa Nam. Tại Đài Loan một số gia đình gốc Phúc Kiến ở Bình Đông thờ Thiên Hậu và Quan Công tại gia đình (tư liệu điền dã 2013).

Tín ngưỡng Thiên Hậu du nhập vào Nam bộ Việt Nam theo dòng di dân người Hoa vào thời Minh - Thanh, đặc biệt là cuối Minh - đầu Thanh. Đợt 1 vào khoảng thập niên 1670, có khoảng 7000 người Hoa Nam do Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên (người Quảng Đông) dẫn đầu vào định cư tại Đồng Nai, Đề Ngạn (Chợ Lớn) và Mỹ Tho[4]. Trước đó, không lâu, tướng Lôi Châu tên là Mạc Cửu dẫn đầu khai phá đất Hà Tiên, sau phát triển dần xuống bán đảo Cà Mau vào năm 1671 (Trần Trọng Kim 1992: 242; Hứa Văn Đường, Tạ Kỳ Ý 2000: 5). Từ cuối thế kỷ 17 cho đến đầu thế kỷ 20, nhiều dòng di dân người Hoa người tiếp tục đến vùng Nam bộ. Theo Tsai Maw Kuey (1968: 52), riêng trong 5 năm từ 1925 đến 1930 đã có 237.000 người đến và chỉ có 136.000 người rời Việt Nam đến một nước khác. Từ đó trở đi, đồng bào người Hoa đã chung sống chan hòa cùng các cộng đồng bản địa gồm Việt, Khmer và Chăm, cùng tạo dựng văn hóa Nam bộ. Hiện tại toàn Nam bộ có khoảng 800.000 người dân tộc Hoa (2009) trong đó có khoảng 300.000 người sống ở ĐBSCL, phân thành 5 nhóm hệ dân Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam và Khách Gia (còn gọi là Hẹ). Người Quảng Đông, theo C.William Skinner[5], là nhóm chiếm số đông nhất, tập trung chủ yếu ở Tp. Hồ Chí Minh, Đông Nam bộ và một số thành phố, thị xã lớn ở bắc sông Tiền, sông Hậu; người Triều Châu cư trú nhiều nhất ở bán đảo Cà Mau (Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau) và Rạch Giá - Hà Tiên; người Phúc Kiến sinh sống rải rác ở hai bên sông Tiền, sông Hậu và khu vực Bình Dương, Đồng Nai; người Hải Nam định cư rải rác các thành phố, thị xã ven biển khắp vùng miền, người Khách Gia (Hẹ) sinh sống khắp vùng, nhiều nhất là vùng núi Bửu Long (Biên Hoà, Đồng Nai) và vùng Bảy Núi (An Giang). Ban đầu cả năm bang

[2] Trong giới học thuật hiện vẫn có tranh luận cho rằng thời vua Thiên Khải nhà Minh đã xuất hiện phong hiệu "Thiên Khải Hậu" (Từ Hiểu Vọng, 2007: 200).

[3] Chẳng hạn như Chùa bà Mã Châu (Hội quán Lôi Châu - Quỳnh Phủ, Hải Nam) ở Hà Tiên (tư liệu điền dã của Nguyễn Ngọc Thơ, 2014).

[4] Theo các tác giả Fujiwara Riichirō (1949: 379); Trần Cảnh Hòa (1960: 436); Trịnh Thụy Minh (1976: 25-26); Hứa Văn Đường, Tạ Kỳ Ý (2000: 3), Đặng Thanh Nhàn (2010: 8), Mio Yuko (2008: 5).

[5] Dẫn trong Tsai Maw Kuey (1968: 76), vào năm 1950 nhóm Quảng Đông chiếm 45%, người Triều Châu chiếm 30%, nhóm Hakka (Hẹ) chiếm 10%, nhóm Phúc Kiến chiếm (8%), nhóm Hải Nam 4%.

người Hoa cùng phối hợp nhau dựng các *Thất phủ cổ miếu* (Biên Hoà, Tp. Hồ Chí Minh, Mỹ Tho, Vĩnh Long, v.v…), chủ yếu thờ Thiên Hậu, Quan Công, Bổn đầu công nhưng sau từng nhóm tách riêng tự xây cất các miếu cho riêng mình với các sắc thái đa dạng, phân biệt lẫn nhau.

Trên đường đi biển, họ thường cầu nguyện Thiên Hậu hiển linh hỗ trợ. Khi định cư được bình an tại vùng Nam bộ, di dân lập miếu trang trọng thờ Bà, ngưỡng vọng và thờ tự Bà với tấm lòng biết ơn đã giúp đỡ họ được "*thuận buồm xuôi gió*". Theo dòng di dân đến khắp nơi ở ĐBSCL, miếu Thiên Hậu cũng được dựng lên. Về sau, người Hoa còn thờ Bà thêm chức năng bảo an, ban phát phúc lộc, thịnh vượng, đặc biệt là hộ mệnh cho trẻ sơ sinh (Trần Hồng Liên, 2005). Chính vì thế rải rác ở các thị tứ, thị trấn, thành phố trong vùng đều có miếu Thiên Hậu với nhiều tên gọi Chùa Bà, Chùa Thiên Hậu, Thiên Hậu Cung hay miếu Thiên Hậu.

Vùng Bạc Liêu, Cà Mau, Hà Tiên còn gọi bà là Mã Châu (妈祖 Mazu), do vậy miếu Thiên Hậu còn gọi là Chùa Bà Mã Châu (tư liệu điền dã 2011, 2014). Vùng Vĩnh Châu (Sóc Trăng) cũng gọi là Mã Châu, phong cách tác tượng thờ mang nét ảnh hưởng từ Macau và Đài Loan, theo đó bà Mã Châu gương mặt đen với tay cầm lệnh bài đưa ngang vai (Trần Hồng Liên, 2006).

2. Đặc trưng văn hóa thể hiện qua tín ngưỡng Thiên Hậu tại ĐBSCL

a. ĐBSCL là một tiểu vùng trực thuộc khu vực Nam bộ với các đặc trưng lối sống sông nước, kinh tế nông nghiệp lúa nước và nghề nuôi trồng thủy hải sản làm chủ đạo. Loại hình sinh thái - kinh tế đặc thù này của ĐBSCL dẫn đến những tác động nhất định trong nhận thức, triết học, tôn giáo - tín ngưỡng và sinh hoạt cộng đồng của các cộng đồng dân cư, trong đó có người Hoa – chủ thể chính của tục thờ Thiên Hậu.

Nam bộ Việt Nam là nơi tập trung người Hoa đông đảo nhất (chiếm gần 90% tổng số người Hoa cả nước), và do vậy đây là nơi có số miếu Thiên Hậu đông đúc nhất với hơn 90 cái. Riêng ĐBSCL đã có 50 miếu thờ, hầu hết được xây từ cuối thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX, đúng vào cao trào di dân người Hoa đến Việt Nam. Dưới đây là bảng tổng kết số các miếu Thiên Hậu tại các địa phương ĐBSCL[6]:

[6] Số liệu thống kế đến ngày 26/1/2014, chỉ tính các miếu thờ Thiên Hậu chính thức, không tính các miếu chỉ phối thờ.

STT	Tỉnh/thành phố	Số miếu	Tên gọi/Địa chỉ
1	Long An		Chưa có số liệu
2	Tiền Giang[7]	4	Miếu Thiên Hậu Mỹ Tho Miếu Thiên Hậu Cai Lậy Miếu Thiên Hậu Cái Bè Thiên Hậu cung Vĩnh Kim (nay đã nhập vào Hỏa Đức Tinh Quân Miếu)
3	Đồng Tháp	2	miếu Thiên Hậu Phúc Kiến (Sa Đéc) miếu Thiên Hậu Quảng Đông (Sa Đéc)
4	Bến Tre		miếu Thiên Hậu Giồng Trôm, miếu Thiên Hậu Ba Tri, Miếu Thiên Hậu An Thuận, Ba Tri miếu Thiên Hậu Tp. Bến Tre
5	Vĩnh Long	4	Thất phủ cổ miếu Vĩnh Long Chùa Bà Triều Châu Miếu Thiên Hậu Song Phú (Tam Bình) Thiên Hậu Cung Bình Minh
6	Trà Vinh	8	Thiên Hậu cung (Tp. Trà Vinh) Thiên Hậu cung (ấp Đầu Bờ, Hoà Thuận, Châu Thành) Thiên Hậu cung (ấp Vĩnh Bảo, Hoà Thuận, Châu Thành) Miếu Thiên Hậu Phong Phú (Cầu Kè), Miếu Thiên Hậu Cầu Kè Thiên Hậu Cung (thị trấn Tiểu Cần) Miếu Thiên Hậu Hiệp Hòa (Cầu Ngang) Miếu Thiên Hậu (khóm Minh Thuận A, Cầu Ngang)
7	An Giang	2	Miếu Thiên Hậu Khách Gia (Chùa Bà Hẹ, Tịnh Biên) Miếu Thiên Hậu Vĩnh Mỹ (Châu Đốc) Miếu Thiên Hậu Thoại Sơn
8	Kiên Giang	5	Miếu Thiên Hậu Rạch Giá Thiên Hậu Cung Rạch Giá Thiên Hậu cung Tắc Cậu Miếu Thiên Hậu Lôi Quỳnh (Hà Tiên) Miếu Mã Châu – Chúa Xứ, xã Lại Sơn, Nam Du
9	Cần Thơ	2	Miếu Thiên Hậu Cái Răng, Miếu Thiên Hậu Ô Môn
10	Hậu Giang		Chưa có số liệu thống kê
			Miếu Thiên Hậu Tp. Sóc Trăng, Miếu Thiên Hậu TX. Vĩnh Châu, Miếu Thiên Hậu (ngoại ô TX Vĩnh Châu),

[7] Theo Nguyễn Thị Lệ Hằng (2014) là 15 miếu nhưng khi khảo sát chúng tôi mới phát hiện được 4 miếu, một số miếu đã chuyển đổi chức năng.

11	Sóc Trăng	13	Miếu Thiên Hậu (bờ đê biển TX Vĩnh Châu) Miếu Thiên Hậu Vĩnh Hoà (Vĩnh Châu), Miếu Thiên Hậu Vĩnh Hải (Vĩnh Châu), Miễu Thiên Hậu Cầu Ngang (Vĩnh Hải, Vĩnh Châu) Miếu Thiên Hậu Quảng Đông Mỹ Xuyên, Miếu Thiên Hậu Triều Châu Mỹ Xuyên Miếu Thiên Hậu xã Ngọc Tố huyện Mỹ Xuyên Chùa Bà An Hiệp (Châu Thành) Thiên Hậu cung Vũng Thơm (Châu Thành) Thiên Hậu cung Thạnh Trị
12	Bạc Liêu	3	Vĩnh Triều Minh hội quán (Tp. Bạc Liêu), Miếu Thiên Hậu Vĩnh Trạch (Tp. Bạc Liêu), Miếu Thiên Hậu Gành Hào (Gành Hào)
13	Cà Mau	7	Miếu Thiên Hậu Triều Châu (P.2, Tp. Cà Mau), Miếu Thiên Hậu Phúc Lãnh (Tp. Cà Mau), Tam Hưng cổ miếu (ngoại vi Tp. Cà Mau), Miếu Thiên Hậu Sông Đốc (khóm 1, TT Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời), Miếu Thiên Hậu (ấp Nhà Máy A, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời) Miếu Miếu Thiên Hậu xã Phú Hưng (Cái Nước) Miếu Thiên Hậu thị trấn Thới Bình (Thới Bình)
Tổng cộng		**50**	

(Thống kê tính đến 5 tháng 12 năm 2014. Chúng tôi sẽ tiếp tục cập nhật trong quá trình khảo sát.)

Có thể thấy bán đảo Cà Mau, địa bàn có tỷ lệ người Hoa Triều Châu định cư với mật độ cao so với những nơi khác của ĐBSCL, là nơi có mật độ miếu Thiên Hậu đông đảo nhất (Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau). Người Hoa trong vùng thường cư trú tại các thành phố, thị trấn, chỉ một số ít sống xen lẫn với cộng đồng người Việt, người Khmer ở nông thôn (như tại Vĩnh Châu, Năm Căn).

b. Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu tại ĐBSCL mang *tính đa thần*. So với nhóm các miếu Thiên Hậu của người Hoa gốc Quảng Đông ở Đông Nam bộ thể hiện *tính đồng nhất tương đối cao* thì mô hình thường thấy của miếu Thiên Hậu ở ĐBSCL thường không cố định, tức mang *tính đa dạng*. Tại hầu hết các miếu Thiên Hậu ra người ta còn phối thờ nhiều vị thần khác, thường thấy nhất là Quan Đế, Phúc Đức Chánh Thần, Cảm Thiên Đại Đế, Bổn đầu công[8], Quan âm, Long Mẫu nương nương và Kim Hoa phu nhân. Miếu Thiên Hậu Cái Bè (Tiền Giang) và nhiều miếu khác phối thờ Thiên Hậu với hai nam thần Quan Công, Phúc Đức chính thần (tư liệu điền dã, 2014). Riêng trong miếu Thiên Hậu Quảng Đông huyện Mỹ Xuyên (Sóc Trăng) phối thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu - Kim Hoa phu nhân và Long Mẫu nương nương theo phong cách điển hình của người Hoa Quảng Đông[9]. Trong khi đó, miếu Thiên Hậu tại TP. Vĩnh Long thì không có Long

[8] Bổn đầu công, còn gọi là Thành hoàng bổn cảnh, có khi là Phúc Đức chính thần, có khi là Bắc Đế (như Thanh Minh cung, Vĩnh Châu, Sóc Trăng), có khi là Châu Đạt Quan (miếu Nhị Phủ, Tp. Hồ Chí Minh), có khi là Cảm Thiên Đại Đế, Thần tài, v.v…

[9] Theo Ban quản trị, ngôi miếu này mô phỏng phong cách miếu Tuệ Thành (Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh) (tư liệu điền dã 2014).

Mẫu nương nương, trong khi miếu Thiên Hậu Cái Răng (Cần Thơ) ngoài Thiên Hậu thì phối thờ Long Mẫu nương nương và Phúc Đức chính thần. Hiện tượng phi thống nhất trong việc phối tự này bắt nguồn từ nhiều nguyên do, trong đó có (1) truyền thống đa thần (polytheism) bắt nguồn từ Hoa Nam nay tiếp tục phát triển trong môi trường văn hóa Việt Nam, (2) tính chất phân tán trong định cư và tính lỏng lẻo trong quan hệ giữa các cộng đồng; (3) quan niệm âm dương hài hoà (thờ ông - thờ bà), (4) tất cả đều quen thuộc đối với tất cả các bang hội người Hoa và người Việt trong vùng nên dễ được chấp nhận.

Trường hợp miếu Thiên Hậu ở thị trấn Núi Sập, Thoại Sơn, An Giang khá đặc biệt. Theo tư liệu điền dã (2013), chúng tôi được biết khu vực Núi Sập có ba cộng đồng người Hoa sinh sống gồm Triều Châu, Phúc Kiến và Quảng Đông (xếp theo thứ tự dân số). Thoạt đầu, người Triều Châu cùng phối hợp với hai bang còn lại xây miếu thờ Thiên Hậu, phối thờ Quan Công, trên nóc miếu có gắn mô típ "lưỡng long tranh châu" trên nóc, song về sau do mâu thuẫn nội bộ, người Phúc Kiến và Quảng Đông tự xây thêm miếu Phúc Đức thờ Quan Công (phối thờ Phật Thích ca và Phúc Đức chính thần) ngay bên phải miếu cũ. Do miếu Thiên Hậu đã có đôi rồng trên nóc mái, cho nên miếu Ông đành phải gắn đôi phụng. Về sau, để phù hợp với tính chất thờ Quan Công (thờ phụng trung, nghĩa, anh hùng, chính trực, v.v…: chất nam tính, nam tử hán), Ban quản trị miếu đã cho hoạ hai con rồng ngoài cửa miếu. Cho đến nay, hai ngôi miếu này vẫn song song tổ chức các hoạt động tín ngưỡng độc lập, quan hệ giữa hai nhóm vẫn chưa được cải thiện.

Ngược lại, ở một số miếu thờ Quan Công hay Bắc Đế cũng có phối thờ bà Thiên Hậu. Chẳng hạn tại miếu Ông Bắc (thờ Bắc Đế) và miếu Quan Công ở thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, miếu Đức Đế ở Vĩnh Châu (Sóc Trăng) thờ thần Phúc Đức có phối thờ Thiên Hậu (tư liệu điền dã 2014). Các miếu Quan Thánh Ninh Kiều (Cần Thơ), miếu Hiệp Thiên Cung Cái Răng (Cần Thơ), miếu Quan Thánh Đế Quân ở Long Xuyên (Minh Hương hội quán), v.v… cũng có phối thờ Thiên Hậu.

Sự đa dạng trong phân bố và trong cách phối thờ tại các miếu Thiên Hậu các nhóm người Hoa (chủ yếu là Triều Châu) ở ĐBSCL thể hiện hai đặc trưng *phân tán* và *linh hoạt* của tục thờ này.

c. Ở phương diện sinh hoạt tín ngưỡng, so với các miếu Thiên Hậu được chọn làm hội quán tại TP. Hồ Chí Minh, hệ thống các miếu Thiên Hậu ở ĐBSCL thể hiện *tính phi điển chế* trong nghi thức cúng tế và các thực hành tín ngưỡng.

Về thời gian tổ chức lễ vía, nhìn chung không có một mô thức chung cố định của các nghi thức rộng khắp vùng. Hầu hết các miếu Thiên Hậu đều mở hội vía bà trong tháng ba, trong đó lễ vía chính thường diễn ra trong hai ngày 22 và 23 tháng ba âm lịch. Ngày 22 nhiều địa phương tổ chức *lễ mộc dục* (沐浴 Bathing) để tắm tượng, thay xiêm y mới và chuẩn bị các công tác cần thiết cho đại lễ ngày hôm sau. Riêng miếu Thiên Hậu người Quảng Đông ở Mỹ Xuyên (Sóc Trăng) thì tổ chức lễ mộc dục 2 ngày trước lễ vía chính (tức ngày 21/ âm lịch). Ngày 23 tháng ba, mọi người tổ chức lễ rước bà, thỉnh thánh tượng vào kiệu và cung nghinh kiệu đi quanh phố phường. Người giàu mua heo quay, bộ đồ lễ, đồ nữ trang bằng kim loại dâng cúng. Người nghèo hơn thì cúng gà và trái cây. Miếu Thiên Hậu Cai Lậy cúng chay vào ngày 22 tháng ba, chiêu đãi rộng rãi công chúng; riêng ngày 23 tháng ba cúng mặn, và chỉ chiêu đãi đồng hương trong hội quán (tư liệu điền dã). Miếu Thiên Hậu chợ Phố (Cầu Kè, Trà Vinh) thì chuyển đổi sang rằm tháng ba[10] (Đặng Hoàng Lan, 2014: 442). Trước đây trong lễ hội người Hoa trước đây tổ chức rất nhiều nghi thức, trong đó không thể thiếu nghi thức cung nghinh Thánh Mẫu bát phố, thường có múa lân - múa rồng nghênh đón, nay thì tục ấy cũng không còn giữ nguyên vẹn.

Ở một số miếu vùng bán đảo Cà Mau, người ta có tổ chức có hát Tiều 潮戲, hát Quảng 粵戲 hay biểu

[10] Thiên Hậu Cung phường Chánh Nghĩa, Bình Dương cũng chuyển đổi lễ vía Bà từ 23 tháng ba sang Rằm tháng Giêng hoặc ngày 26 tháng Giêng âm lịch (Đặng Hoàng Lan, 2014: 442).

diễn Côn Khúc 昆曲 trong ngày vía Bà những năm chẵn, một số nơi có tổ chức biểu diễn các loại hình diễn xướng dân gian người Việt (như ở Vĩnh Long), người Khmer (như miếu Bà An Hiệp, Sóc Trăng). Miếu Thiên Hậu Quảng Đông ở Mỹ Xuyên (Sóc Trăng) hễ 10 năm một lần đều có mời đoàn hát Thống Nhất từ Tp. Hồ Chí Minh xuống biểu diễn suốt 3 đêm liền bằng tiếng Quảng Đông lẫn tiếng Việt. Miếu Thiên Hậu Ba Tri trong những năm gần đây có tổ chức diễn bóng rỗi theo phong cách người Việt Nam bộ, còn miếu Thiên Hậu lẫn chùa Quan Thánh tại thị trấn Cái Bè trước đây có tổ chức diễn, nay thì hoạt động này không còn (tư liệu điền dã 2014).

Người dân đến vía Bà Thiên Hậu với rất nhiều mục đích khác nhau. Người đến cúng viếng Bà để tỏ lòng thành kính, để cầu mong gia đạo bình an, song cũng có người cầu tài, cầu thịnh vượng trong buôn bán làm ăn. Người Hoa và một số người Việt trước đây có tục "vay tiền" bà Thiên Hậu vào ngày rằm tháng Giêng (tết Nguyên Tiêu ở người Hoa, tết Thượng Nguyên ở người Việt) và "trả tiền vay" vào các tháng cuối năm khá giống với tục vay tiền Bà Chúa Kho ở Bắc Ninh. Hiện nay, tục lệ này đã giảm, duy chỉ còn rải rác ở một số miếu trong vùng như tại miếu Thiên Hậu Triều Châu tại chợ Mỹ Xuyên, Sóc Trăng. Ngày đầu năm, dân làm ăn buôn bán trong vùng có tục vay vài ba trăm ngàn, vay xong trả liền, dĩ nhiên số tiền trả phải cao hơn lúc vay.

d. Ở phương diện kiến trúc cơ sở thờ tự, trong hệ thống các miếu Thiên Hậu người Hoa khắp Nam bộ có thể nhận diện hai nhóm chính, bao gồm (1) nhóm Quảng Đông - Hải Nam - Khách Gia, (2) nhóm Triều Châu - Phúc Kiến. Tại ĐBSCL chủ yếu là nhóm thứ hai trong khi tại Đông Nam bộ nổi lên nhóm thứ nhất[11]. Kiến trúc miếu Thiên Hậu ở ĐBSCL mang đặc trưng *tính tự do, chất dân gian* mượt mà và nhiều màu sắc so với tính chất *thiên về chính thống* của nhóm các miếu của người Quảng Đông ở TP. Hồ Chí Minh và Đông Nam bộ.

Hình 1. Miếu Thiên Hậu tại Thị trấn Mỹ Xuyên, Sóc Trăng *(ảnh: Nguyễn Ngọc Thơ, 2014)*

Hình 2. Miếu Thiên Hậu tại Vĩnh Châu, Sóc Trăng *(ảnh: Nguyễn Ngọc Thơ, 2014)*

Ở ĐBSCL, nhiều nhất là miếu của người Triều Châu ở tiểu vùng nam sông Hậu - bán đảo Cà Mau. Gờ nóc miếu thường có dạng mái cong hình thuyền, hai đầu hồi trang trí bằng các mô típ điêu khắc xi vẫn[12] hoặc cá chép hoá rồng, trên gờ nóc còn có họa tiết *lưỡng long tranh châu* hay *long lân quy phụng*. Mặt trường phía trước miếu hai bên cửa thường có họa các bức "tả thanh long hữu bạch hổ", các tích *Đào viên kết nghĩa, Bát tiên quá hải*, v.v… rất nhiều

[11] Ở nhóm thứ nhất, chiếm ưu thế tuyệt đối là miếu của người Quảng Đông. Cấu trúc "nội công ngoại quốc", trên nóc mái và bờ tường có trang trí nhiều mô típ thần thánh, lưỡng long tranh châu, nhật thần - nguyệt thần như Quảng Triệu hội quán đường Võ Văn Kiệt (Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh), Quảng Triệu hội quán đường Nguyễn Thị Minh Khai (Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh), miếu Tuệ Thành đường Nguyễn Trãi (Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh), miếu Thiên Hậu Quảng Đông ở Mỹ Xuyên, miếu Thiên Hậu ở Cai Lậy (Tiền Giang), v.v…

[12] Con thứ hai của rồng theo thuyết *Long sinh cửu tử*, có chức năng trấn hoả, trừ tà, còn gọi là *li vẫn, xi vỹ, đê vỹ*.

màu sắc song chủ đạo vẫn là đỏ, xanh, vàng (các gam màu tốt theo ngũ hành). Các thanh xà ngang phía trước miếu ngoài các họa tiết hươu nai, tùng hạc, các linh thú quen thuộc còn có tổ hợp cua - cá (ở hầu hết các miếu trên toàn vùng, song điển hình nhất là vùng phía Nam song Hậu - bán đảo Cà Mau). Người Triều Châu thường không lấy miếu Thiên Hậu làm hội quán mà lại lấy miếu Quan Thánh hay miếu Bắc Đế làm hội quán cho mình, chẳng hạn như Thanh Minh cung (thờ Bắc Đế) tại Vĩnh Châu (Sóc Trăng), Hoà An cung tại TP. Sóc Trăng, v.v… Các miếu thờ Thiên Hậu thường đặt tên chung chung là miếu Thiên Hậu (Thiên Hậu cổ miếu), sau gắn thêm tên địa phương sở tại để phân biệt, chẳng hạn miếu Thiên Hậu Cái Bè, miếu Thiên Hậu Cà Mau, v.v…

Người Phúc Kiến ở ĐBSCL số lượng không đông đúc nhưng tại mỗi nơi định cư ở các thành phố, thị trấn đều dựng miếu thờ (Quan Công, Thiên Hậu…), gờ nóc mái dáng có mái cong hình thuyền, hai bên chính điện thường có hai chái hình chóp nón, thoạt nhìn khá giống miếu của người Triều Châu nhưng màu sắc mang nét trầm lắng. Miếu Phúc Kiến phân biệt với miếu Triều Châu ở các tiểu tiết: màu sắc ít tươi hơn, trên mặt tường trước miếu thường có tổ hợp đắp nổi thần tiên hay các nhân vật tích xưa chứ không hoàn toàn là bích họa; thêm vào đó trên nóc miếu có gắn nhiều mô-típ hình thuyền nhỏ làm các gờ trang trí (miếu Kiến An ở Sa Đéc, Đồng Tháp). Đối tượng thờ chính của người Phúc Kiến nhiều nhất vẫn là các nam thần (trong đó nhiều hơn cả là Quan Thánh Đế Quân như miếu Quan Thánh ở ấp An Ninh, huyện Cái Bè và ở khu 1 B thị trấn Cái Bè, Tiền Giang), chỉ phối thờ Thiên Hậu[13].

Ở một số địa phương vùng sông Tiền, do số lượng người Hoa các bang không lớn, tiềm lực kinh tế không cao nên cả 5 bang hợp lực cất miếu. Các miếu này nhìn chung tổng thể có dáng của miếu người Quảng Đông (gờ nóc miếu dáng bằng, tượng đắp tứ linh) nhưng các mô típ trang trí, bích họa trên tường, xà ngang, đầu hồi theo phong cách Triều Châu hay Phúc Kiến. Chẳng hạn, các miếu Thiên Hậu ở Cái Bè (Tiền Giang), miếu Thiên Hậu Cai Lậy (Tiền Giang), v.v…

Miếu Thiên Hậu được xem là "ngôi nhà chung" của cộng đồng người Hoa, do vậy thường được đầu tư xây dựng rất bề thế, trang trí công phu. Một số miếu Thiên Hậu tiêu biểu ở cả hai nhóm này thường gắn liền với trường dạy chữ viết và văn hóa người Hoa địa phương, hiện một số nơi đã phục dựng hoạt động như miếu Thiên Hậu Vĩnh Châu (Sóc Trăng) gắn với trường Bồi Thanh, miếu Thiên Hậu Cai Lậy (Tiền Giang) gắn với trường Cầu Trí[14], v.v…

e. Tục thờ Thiên Hậu cùng với hệ thống thiết chế cơ sở thờ tự, nghi lễ thờ tự và diễn xướng dân gian người Hoa có thể được xem là một dạng thức *di sản văn hóa* được những người Hoa di dân mang đến ĐBSCL và hoá thạch ở lại. Một cộng đồng di dân thiểu số tại một địa phương mới luôn mong mỏi và tìm kiếm một hệ thống các biểu tượng trung tâm có sức mạnh gắn kết tinh tế các giềng mối văn hóa và ý thức tộc người. Hình ảnh Bà Thiên Hậu không đơn thuần chỉ là một "Thánh Mẫu" ban phúc lành, Bà còn là một vị thánh gắn kết những trái tim, những tâm hồn mang cùng một nguồn gốc (Hoa Nam) với nhau để kiến tạo cộng đồng. Ý thức vay mượn "cái thiêng" để kết nối những con người "trần tục" trước bối cảnh lịch sử - xã hội đặc thù tại Nam bộ đã được các thế hệ người Hoa thực hiện suốt hơn ba trăm năm qua một lần nữa chứng minh những nhu cầu bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của cha ông, góp phần định hình văn hóa di dân trên vùng đất mới. Chị Hứa Ngọc Vân[15] (sinh năm 1963, người Triều Châu, chủ tiệm vàng Ngọc Vân ở TX Vĩnh Châu) đã khẳng định rằng "có Ông (Bắc Đế) và có Bà (Thiên Hậu) ở xung quanh, tôi cảm thấy ấm áp và

[13] Người Phúc Kiến Tuy vậy, người Phúc Kiến ở Đông Nam Bộ vẫn có một số miếu thờ Thiên Hậu của riêng mình, như miếu Hà Chương (Nguyễn Trãi, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh), miếu Ôn Lăng (đường Lão Tử, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh), miếu Tam Sơn (đường Lương Nhữ Học, Quận 5), miếu Thiên Hậu Bình Dương (Thủ Dầu Một), v.v…

[14] Nay là trường mầm non.

[15] Sinh năm 1963, người Triều Châu, chủ tiệm vàng Ngọc Vân ở TX Vĩnh Châu, Sóc Trăng (tên đã thay đổi).

an lành", và rằng "tôi không thể sống mà không đến viếng bà A Má vào những dịp đặc biệt…" (phỏng vấn điền dã, 2014). Đối với tuyệt đại đa số người Hoa Triều Châu ở Vĩnh Châu, Bà Thiên Hậu là một biểu tượng của sự hội tụ, của sự ấm cúng, sự an toàn, sự chở che trong sâu thẳm thâm thức họ. Với hiện thực ấy, người Hoa đã làm sống động các giá trị xã hội và giá trị tâm linh của di sản tục thờ Thiên Hậu.

Bàn về văn hóa di dân người Hoa và hiện tượng "hóa thạch ngoại biên" của văn hóa Hoa Nam tại Đông Nam Á, giáo sư Kenneth Dean (1956~) trong bài nói chuyện chủ đề "Những biến đổi lịch sử của mạng lưới người Hoa ở Đông Nam Á"[16] (2014) đã nhấn mạnh *tính tiếp nối* (*tính liên tục*) của các dạng thức thờ thần thánh truyền thống của người Hoa ở Đông Nam Á, trong đó tiêu biểu là tục thờ Ma Tổ - Thiên Hậu, gần như nguyên vẹn dẫu cho truyền thống ấy ở cố quốc đã thay đổi mãnh liệt theo hướng phai nhạt và tiêu biến dần, nhất là sau Cách mạng văn hóa (1966-1976). Tại Đông Nam Á, các tục thờ thần thánh, tuy đơn thuần là các dạng thức tín ngưỡng - tâm linh, thường được coi là một phần quan trọng của bản sắc văn hóa người Hoa trong tương quan ứng xử với các cộng đồng bản địa Đông Nam Á. Theo đó, chính tại Đông Nam Á, các tục thờ được *cách tân, biến đổi* theo hướng "giải tôn ti", "giải trọng nam khinh nữ" rồi truyền bá ngược trở lại Hoa Nam qua kênh giao lưu văn hóa trong các cộng đồng có quan hệ huyết thống hoặc đồng hương. Chính thực như vậy, tại nhiều vùng đất Hoa Nam, tục thờ Mẫu đã không còn nguyên vẹn, đó là lúc những "hóa thạch ngoại biên" như thế này sẽ vô cùng có giá trị khi muốn tìm về nguyên vẹn hình hài của lớp văn hóa cổ xưa.

3. Giao lưu văn hóa qua tín ngưỡng Thiên Hậu tại ĐBSCL

a. ĐBSCL là một vùng văn hóa đa tộc người, đa văn hóa chung sống chan hòa, giữa các tộc người có sự giao thoa văn hóa sâu rộng song mỗi tộc người đều vẫn có riêng cho mình những nét đặc trưng văn hóa riêng biệt. Ngoài người Việt là chủ thể văn hóa chính thì trên vùng đất này còn có người Khmer với hệ thống văn hóa, phong tục - tập quán xoay quanh Phật giáo Nam Tông (Theravada Buddhism) và Bà La Môn giáo (Brahmanism); người Chăm với Islam và người Hoa với hệ thống tín ngưỡng thờ Thiên Hậu, Quan Công và các vị thần gốc Hoa Nam. Ở một chừng mực định, đó là những *sự lựa chọn văn hóa* (cultural selection) có tính lịch sử, đảm bảo cho sự cân bằng giữa một bên là sắc thái văn hóa đặc thù tộc người và một bên là dung hợp đa văn hóa.

Như đã phân tích ở phần trên, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu là một trong những hạt nhân phản ánh bản sắc văn hóa người Hoa trong đại gia đình văn hóa ĐBSCL. Cộng đồng này mượn tục thờ Thiên Hậu để thực hiện chức năng giáo dục truyền thống, định hướng cộng đồng mình về nhân cách, đạo đức sống cao đẹp, góp phần gìn giữ đặc trưng văn hóa tộc người mình, nhất là các yếu tố thuần phong mỹ tục. Thờ Thiên Hậu là thượng tôn lối sống tốt hơn, sống đẹp hơn, bao dung hơn, biết đối nhân xử thế, thờ phụng ông bà tổ tiên, biết yêu nước, yêu cuộc sống và không ngừng phấn đấu đạt đến những giá trị bất hủ của nhân loại như chân, thiện, mỹ, v.v… Người Hoa thực hiện nghi thức tế lễ theo Nho giáo, người tế lễ mặc trang phục chỉnh tề, có phân cao thấp tôn ti, già trẻ lớn bé. Ngoài một số ít hình thức bản địa hóa thì hầu hết các bước tiến hành vẫn giữ nguyên sắc thái có từ Nam Trung Hoa. Thông qua các hoạt động tín ngưỡng, người Hoa còn lưu giữ nhiều loại hình văn hóa phi vật thể như diễn xướng dân gian, múa lân-sư-rồng, múa hầu, các loại hình thể thao giải trí, v.v… Các cơ sở tín ngưỡng như miếu, đình với phong cách kiến trúc đặc sắc đã góp phần làm phong phú hơn sắc thái văn hóa địa phương.

[16] Giáo sư Đại học McGill, Canada, trình bày tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn ngày 29 tháng 3 năm 2014.

Lễ hội miếu bà Thiên Hậu có giá trị về nhiều mặt trong đời sống văn hóa cộng đồng người Hoa ở Nam bộ nói chung, ĐBSCL nói riêng. Lễ hội còn là dịp để bà con gặp gỡ nhau, thắt chặt tinh thần cố kết cộng đồng, yếu tố không thể thiếu trong xã hội Á Đông này. Điển hình là trường hợp cộng đồng người Hoa bang Triều Châu ở Vĩnh Châu (Sóc Trăng) với Thiên Hậu cung và Thanh Minh cung (thờ Bắc Đế) - hai trung tâm tạo chất keo gắn kết người Hoa địa phương. Hội người Hoa địa phương lập ra Hội Châu Quang 珠光會chuyên trách hai lĩnh vực văn hóa - giáo dục, chịu trách nhiệm triển khai các lớp đào tạo tiếng Triều Châu ở trường Bồi Thanh trong khuôn viên Thiên Hậu miếu[17]. Theo Ban quản lý, nam thanh niên người Hoa địa phương sau khi lập gia đình đều phải tham gia làm công quả ở miếu Thiên Hậu và miếu Thanh Minh trong một đến hai năm để đủ tư cách trở thành thành viên chủ chốt của cộng đồng[18] (tư liệu điền dã 2014).

Ở khía cạnh tâm linh, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu, cũng giống như Quan Công, Bắc Đế hay Thành hoàng bổn cảnh, đã đáp ứng khá hoàn hảo nhu cầu tâm linh của cộng đồng, nhất là trong bối cảnh lưu lạc đất khách. Lâu dần, tục thờ đã trở thành một niềm tin mãnh liệt, ở đó người ta tìm thấy một chỗ dựa tâm linh bền chặt làm động lực cho cuộc sống vật chất. Còn đứng ở góc độ kinh tế, bản sắc văn hóa truyền thống cùng với giá trị tâm linh của tục thờ Thiên Hậu rất có giá trị cho sự phát triển du lịch văn hóa - hành hương ở nhiều địa phương, như tại Cà Mau, Hà Tiên, Rạch Giá, Vĩnh Châu, Trà Vinh, Vĩnh Long.

b. Tín ngưỡng Thiên Hậu tại Nam bộ Việt Nam có xu hướng *gắn liền với Phật giáo, nhất là Phật giáo dân gian* (do đặc trưng và chức năng gần với Phật Quan Âm). Hiện tượng này vốn dĩ đã bắt nguồn từ lâu đời, từ thời còn ở Hoa Nam (Liu Tik-sang, 2000). Tuy nhiên, tại ĐBSCL, xu hướng ấy càng thể hiện rõ ràng hơn. Miếu Thiên Hậu được gọi là "Chùa Bà", tương tự miếu Quan Công thường gọi là "Chùa Ông". Trong suy nghĩ của nhiều người Việt Nam bộ, miếu Thiên Hậu được đánh đồng với "chùa", dù rằng họ có thể nhận thức hoặc không có nhu cầu nhận thức sự khác biệt giữa Bà Thiên Hậu và Phật mẫu/Quan Âm trong Phật giáo[19]. Nhiều miếu, cung Thiên Hậu hoặc phối thờ Quan âm hoặc thờ song hành Thiên Hậu và Quan Âm. Miếu Bà Thiên Hậu chợ Phố (Phong Phú, Cầu Kè, Trà Vinh) chuyển dịch lễ vía Bà từ ngày 23 tháng 3 thành ngày Rằm tháng 3 âm lịch (Phú Văn Hẳn 2011), gần với Phật giáo. Miếu Thiên Hậu ở Cái Răng (Cần Thơ) phối thờ Quan Âm trong miếu, đồng thời đặt tượng Quan Âm ngay sau cổng chính trước sân. Còn miếu Thiên Hậu Quảng Đông ở Mỹ Xuyên (Sóc Trăng), Quan Âm các được xây thờ trong khuôn viên cổng theo tâm nguyện của người dân trong vùng[20]. Miếu Thiên Hậu TP. Trà Vinh ngoài chính điện thờ Thiên Hậu thì bên phải là Quan Âm các phối thời Quan âm (tư liệu điền dã, 2013). Ngược lại, tại một số chùa Phật giáo có hiện tượng phối thờ Thiên Hậu, như tại chùa Hải Phước An ở Sóc Trăng (Trần Hồng Liên, 2005).

Theo quan niệm người Hoa, Thiên Hậu Thánh Mẫu là hải thần, vị thần đã giúp tổ tiên họ vượt biển cả gian nan để đến bến bờ mới an toàn. Từ vị trí một vị *hải thần*, Thiên Hậu đã trở thành thần bảo hộ cho cộng đồng mình, mang đầy đủ ý nghĩa của một vị *Bồ tát*. Tuy nhiên, trong con mắt của người Việt và người Khmer, Thiên Hậu trước hết là vị *phúc thần*, là một *Mẫu* linh thiêng như các Mẫu khác trong truyền thống như Liễu Hạnh, Bà Chúa Xứ, v.v… Với vị trí một *phúc thần* (Bebevolent Goddess), *Thiên Hậu được người Việt có xu hướng tiếp nhận theo ngả Phật giáo hoặc bằng cặp mắt Phật giáo*, ít nhất là về mặt hình thức. Nhiều tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt Bắc Bộ (Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Bà

[17] Hiện có hơn 900 học sinh từ mẫu giáo đến cấp 2 đang học tại Trường. Hội phụ huynh học sinh cùng góp sức hỗ trợ các em học sinh khó khăn (tư liệu điền dã 2013).

[18] Mỗi năm có khoảng 15 đến 20 thanh niên làm công quả tại Thiên Hậu cung và Thanh Minh cung.

[19] Hình thức phối thờ Thiên Hậu với Phật Bà/Quan âm khá phổ biến trong khu vực, chẳng hạn tại Thiên Hậu cung Hải Nam ở Kuala Lumpur (Malaysia, tư liệu điền dã 2014).

[20] Theo Ban quản trị miếu (2014), Quan âm các xây dựng năm 1978 do nhu cầu của người dân đến viếng (tư liệu điền dã, 2014).

Chúa Khoa, v.v...), Nam bộ (Bà Chúa Xứ, Bà Đen, v.v...) cũng có đặc trưng này. Ngược lại, để thể hiện xu hướng dung hoà vào dòng chảy chủ lưu của văn hóa Việt, và để thu hút nhiều khách viếng hơn, một số miếu Thiên Hậu ở Nam bộ bắt đầu thỉnh tượng Thích Ca hay Quan Âm vào phối thờ, hoặc trang trí theo lối Phật giáo. Trong chính điện miếu Thiên Hậu ở Cái Bè, lối thờ tự được bố trí theo lối "tiền Phật hậu Mẫu". Lễ vía Thiên Hậu ngày 23 tháng 3 trong miếu cử hành theo nghi lễ Phật giáo, người ta mời các nhà sư Phật giáo đến cử hành nghi lễ (tư liệu điền dã, 2014).

c. Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu tại Nam bộ Việt Nam là một biểu tượng của sự giao lưu văn hóa Hoa - Việt - Khmer, phản ánh sinh động *tính dung hợp văn hóa đa tộc người* tại ĐBSCL. Tục thờ Thiên Hậu nhìn chung mang tính mở, sẵn sàng giao lưu văn hóa đa tộc người. Tín ngưỡng Thiên Hậu hấp thụ văn hóa Việt, Khmer; và ngược lại các tộc người Việt, Khmer tiếp nhận Thiên Hậu với tấm lòng thành kính.

Hiện tượng Việt hóa hoàn toàn hay Việt hóa một số khía cạnh của tín ngưỡng Thiên Hậu có thể tìm thấy ở một số địa phương[21] tại Nam bộ nói chung, ĐBSCL nói riêng. Tại phường Vĩnh Mỹ (Tp. Châu Đốc, An Giang), miếu Thiên Hậu hoàn toàn do người Việt xây theo thể thức đình người Việt (phối thờ tả hữu ban, tiền hậu vãng), đêm rạng sáng ngày 23 tháng ba âm lịch có tổ chức xây chầu đại bội và diễn tuồng cổ như tại các đình thần Nam bộ hay tại miếu Bà Chúa Xứ (tư liệu điền dã 2014). Tại Miếu Thiên Hậu Thánh Mẫu TT. Ba Tri (Bến Tre) vốn do người Hoa xây dựng nhưng đã chuyển đổi thành miếu người Việt, trong lễ vía Bà tối ngày 22 tháng 3 năm 2013 vừa qua người ta tổ chức biểu diễn bóng rỗi theo phong cách người Việt (tư liệu điền dã, 2013). Còn tại Vĩnh Kim (Châu Thành, Tiền Giang), xưa có miếu Thiên Hậu do người Hoa xây dựng, sau này trong vùng người Hoa đã di cư đi hết, người Việt đã tiếp nhận và thờ tự cùng Bà Hoả Đức Tinh Quân (Nguyễn Thị Lệ Hằng, 2014: 568-581).

Hình 3. Biểu diễn bóng rỗi ở miếu Thiên Hậu Ba Tri *(ảnh: Bùi Hữu Nghĩa, 2013)*

Nội dung và hình thức *cúng tế* bà Thiên Hậu có dấu ấn văn hóa Việt. Cúng cầu an có sự đan xen giữa yếu tố Việt và yếu tố Hoa, trong đó yếu tố Việt rõ ràng là chiếm ưu thế, diễn ra ở một số miếu Thiên Hậu. Khi đánh trống trong các dịp lễ hội, người Việt luôn gióng 3 hồi, các miếu Thiên Hậu cũng gióng 3 hồi, trong đó gồm hai hồi gióng theo quy ước chung của người Hoa và một hồi để "tạ ơn đất nước và con người Việt Nam đã cưu mang họ" (Trần Hồng Liên, 2006). Tại Hà Tiên, lễ vía Thiên Hậu có hát Tiều hát Quảng diễn theo phong cách người Việt và bằng tiếng Việt (tư liệu điền dã, 2014). Tương tự, chùa Bà Thiên Hậu (phường 2, TP. Cà Mau) có ban nhạc Đồng Tâm nghiệp dư Âm nhạc xã của người Hoa biểu diễn các tuồng tích, hát Hồ Quảng, hát Kinh kịch… thu hút đông đảo đồng bào người Hoa và cả người Việt, người Khmer đến tham dự (tindulich.vn).

[21] Theo nghiên cứu của Phan Thị Hoa Lý (2014: 418), tại Thành phố Hồ Chí Minh một số cơ sở thờ Thiên Hậu của người Việt và do người Việt lập, sinh hoạt song hành với các miếu của người Hoa. Chẳng hạn các miếu Thiên Hậu tại địa bàn Quận 2 như Miếu Thiên Hậu Cây Chặp Chạ (ấp Bình Thạnh, Thạnh Mỹ Lợi), Miếu Thiên Hậu Bình Trưng (phường Bình Trưng), Thiên Hậu Tự Cây Bàng (phường Thủ Thiêm).

Về mặt chủ thể, một số miếu Thiên Hậu tại đồng bằng sông Cửu Long bắt đầu có sự dịch chuyển từ cộng đồng người Hoa Triều Châu, Phúc Kiến sang cộng đồng người Minh Hương. Chẳng hạn, Vĩnh Triều Minh hội quán ở Bạc Liêu cũng là trường hợp điển hình chuyển đổi từ người Hoa sang cộng đồng người Triều Châu lai Việt. Thiên Hậu miếu ở Cái Răng tuy không lớn nhưng là một công trình văn hóa cổ kính, là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của cả cộng đồng người Hoa và bà con người Việt, người Khmer (livecantho.com). Tương tự như vậy, trong miếu Thiên Hậu ở Cái Bè (Tiền Giang) khi trùng tu vào năm 1995, dân trong vùng đã tặng một tấm hoành phi "Thần lực phù trì", góc trái có ký tên "Cái Bè thị Việt Hoa hợp gia kính phụng" (Người Việt và người Hoa thị trấn Cái Bè hợp lực kính dâng).

Một số nơi người ta phối thờ Thiên Hậu với các vị thần người Việt. Tại miếu Thiên Hậu Cái Răng (Cần Thơ), Bà Chúa Xứ được đưa vào điện thờ chung với Thiên Hậu. Tương tự, Ngũ Hành nương nương mang sắc thái Việt cũng được phối thờ ở một số miếu rải rác trong vùng.

Trong các hoạt động xã hội mà người Hoa Cà Mau tổ chức gắn liền với tục thờ Thiên Hậu là phát gạo cho người nghèo vào ngày 15 tháng 7 âm lịch hàng năm, bất kể là người Hoa, người Việt hay người Khmer. Hoạt động tương tự còn tìm thấy ở miếu Thiên Hậu Vĩnh Châu, Sóc Trăng. Nhiều công trình giao thông công cộng được xây dựng từ nguồn kinh phí của Hội người Hoa (như tại Cà Mau), tích góp từ nguồn "tiền giọt dầu" của công chúng trong vùng ở miếu Thiên Hậu (tư liệu điền dã, 2012).

Hình thức kiến trúc và nguyên vật liệu xây dựng cũng mang nhiều dấu ấn bản địa hóa. Theo thời gian, những chất liệu bằng gỗ thường có tuổi thọ thấp, thêm vào đó bị thiên nhiên và bàn tay con người tàn phá, nên trong quá trình trùng tu, sửa chữa, họ phải thay bằng các chất liệu mới có sẵn tại địa phương. Những chi tiết trang trí ban đầu trên các di tích thường là những đồ án cổ điển của Trung Hoa như: bát tiên, bát bửu, long mã hà đồ, lưỡng long tranh châu, lưỡng long triều nhật, tổ hợp thư bút, mâm bồng lọ hoa, quả đào, quả lựu, quả phật thủ, hoa cúc, hoa mẫu đơn, rồng phượng, liên áp, lân giáo tử; các tích truyện của Trung Quốc như *Phong thần, Tam Quốc diễn nghĩa*, v.v…, dần dần cũng thay đổi hoặc có thêm nhiều môtíp trang trí mới, gắn liền với thiên nhiên, con người, động vật, thực vật của miền đất Nam bộ trù phú như cua, cá, cây trái, chim muông, dây bầu, mãng cầu, hàng dừa, bụi tre, khóm trúc, chiếc cầu tre, chiếc xuồng ba lá, cánh đồng, ao sen và cả bầy vịt trời, v.v… Trong nghi lễ Đản sinh Bà Thiên Hậu ở miếu Thiên Hậu thị trấn Núi Sập (Thoại Sơn, An Giang), mỗi khi tổ chức rước kiệu bà từ thị trấn Núi Sập đến miếu đều dừng lại ở đền Thoại Ngọc Hầu để dâng lễ và ra mắt Đức Ông trước khi rước về miếu để tiến hành nghi lễ (tư liệu điền dã 2013). Còn trên nóc miếu Thiên Hậu ở thị trấn Cai Lậy (Tiền Giang) ngoài mô típ lưỡng long tranh châu và hươu nai, sư tử còn có tổ hợp trái cây tiêu biểu ở Nam bộ (đu đủ, bưởi, quýt, quả Phật thủ, v.v… – tư liệu điền dã 2014).

Tương tự như vậy, biểu tượng rồng được trang trí trên các miếu Thiên Hậu khắp ĐBSCL cũng thể hiện sự chuyển đổi theo hướng dung hoà văn hóa Hoa - Việt - Khmer. Nhiều miếu Thiên Hậu trước được xây dựng và trang trí bằng nguyên vật liệu mang từ Trung Quốc nên vẫn giữ được cốt cách Trung Hoa, tuy nhiên theo thời gian, khi các miếu được trùng tu, các nguyên vật liệu và mô típ trang trí mang tính bản địa được thay thế. Chẳng hạn, mô típ "lưỡng long tranh châu" kiểu Trung Hoa với hình dáng rồng khá khác biệt với rồng người Việt, quả châu (cũng là biểu tượng mặt trời) đặt ở vị trí rất cao so với đầu rồng (như ở miếu Tuệ Thành, TP. Hồ Chí Minh), nhưng khi thay thế bằng mô típ người Việt thì hình dáng rồng và vị trí quả châu thấp, ngang bằng đầu rồng (như miếu Thiên Hậu Vĩnh Châu, Sóc Trăng), hoặc thay bằng đôi cá chép (miếu Thiên Hậu Cai Lậy, Tiền Giang) hay hình kì lân mang quả châu trên lưng (miếu Thiên Hậu Trà Vinh). Tương tự, chùa Bà Mã Châu ở Hà Tiên thay thế hẳn mô típ rồng truyền thống bằng rồng hình cá ngựa.

Ngoài tiếp nhận văn hóa Việt, tục thờ Thiên Hậu còn thẩm thấu văn hóa Khmer. Trong miếu Thiên Hậu chợ Phố (Phong Phú, Cầu Kè, Trà Vinh), Bà Thiên Hậu được phối thờ với Naek Tà của người Khmer và cả Trịnh Hòa trong văn hóa người Hoa (Phú Văn Hẳn, 2011). Tại vùng Vĩnh Châu (Sóc Trăng), nơi cộng cư Việt - Hoa - Khmer, nhiều gia đình Khmer khi lập đàn thờ Naek Ta (thần Đất) thì có thêm bài vị khắc chữ Thần bằng tiếng Hán trên trang thờ. Ngược lại trong miếu Thiên Hậu Triều Châu ở Mỹ Xuyên (Sóc Trăng), ở giữa sân có thờ thổ thần bằng phiến đá phủ vải đỏ có ghi ba chữ "Thạch thần cung 石神宮", chính là thờ Naek Tà của người Khmer (Trần Hồng Liên, 2006). Trong miếu Thiên Hậu Triều Châu ở Mỹ Xuyên cũng có thờ đá kiểu Khmer tương tự (tư liệu điền dã, 2014). Đặc biệt hơn, tại Thiên Hậu cung An Hiệp (Châu Thành, Sóc Trăng), phía trước chính điện có hẳn một ngôi miếu nhỏ thờ Ông Tà trong hình dáng một vị nam thần người Hoa hình dáng giống thần Dương Tiễn, tên chữ Hán là Lục Tà Công (ông lục Neak Tà); trong khi tại Thiên Hậu cung Vũng Thơm (Phú Tân, Châu Thành) thì Lục Tà Công được thờ hẳn trên chính điện, ngay bên phải tượng Thiên Hậu. Ngày vía bà 23 tháng 3 âm lịch hàng năm, chùa Bà An Hiệp có tổ chức diễn Dù-kê với sự tham gia đông đúc của tín đồ Khmer (tư liệu điền dã, 2014). Trong bàn thờ Thổ thần trong miếu Thiên Hậu tại thị trấn Cái Bè (Tiền Giang) ngoài từ Thổ thần 土神 còn có một hòn đá màu đen (tư liệu điền dã, 2014).

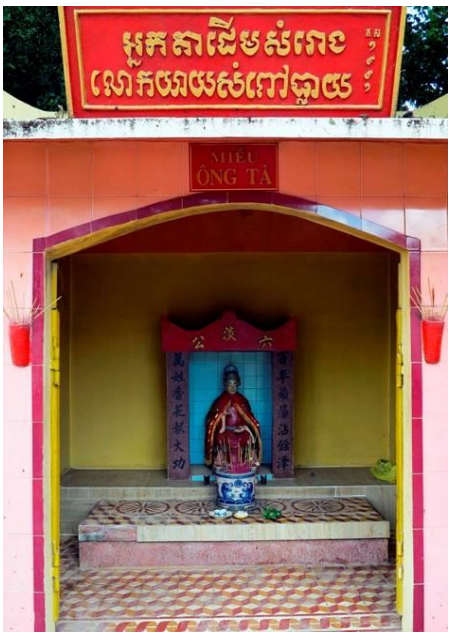

Hình 4. Miễu Lục Tà Công (Neak Ta) tại khuôn viên miếu Thiên Hậu An Thạnh ở Châu Thành, Sóc Trăng *(ảnh: Bùi Việt Thành, 2014)*

Hình 5. Tổ hợp cua - cá trang trí trên xà ngang miếu Thiên Hậu Vĩnh Châu (Sóc Trăng)
(ảnh: Nguyễn Ngọc Thơ 2014)

Trong tâm thức của nhiều cư dân Nam bộ, Thánh Mẫu trong truyền thống có từ đất Bắc (Thánh Mẫu Liễu Hạnh) cùng kết hợp với hình ảnh Thánh Mẫu của người Chăm (Bà Chúa Ngọc, Bà Thiên Yana) và Bà Thiên Hậu, đều là những vị Mẫu cao quý, luôn ban phúc lành cho dân chúng. Chính vì thế, ở hình ảnh Bà Chúa Xứ (núi Sam, Châu Đốc), người ta thấy cả hình ảnh Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở Bắc Bộ, Mẫu Thiên Yana Ponagar của người Chăm và

Bà Thiên Hậu của người Hoa. Bên cạnh đó, bóng rỗi – một hình thức nghệ thuật dân gian Chăm, đã bắt đầu xuất hiện trong lễ vía Thiên Hậu tại một số khu vực ĐBSCL, đặc biệt là tại An Giang (Phú Văn Hẳn, 2011).

Bên cạnh đó là hiện tượng một bộ phận người Việt, Khmer trong khu vực tiếp nhận và thực hiện các nghi thức cúng tế Thiên Hậu như người Hoa[22]. Miếu Thiên Hậu ở Giồng Trôm (Bến Tre) do chính người Việt lập ra để thờ Bà. Miếu Thiên Hậu ở Ba Tri do người Hoa xây dựng sau chuyển đổi thành miếu của người Việt. Trong một vài ngôi chùa người Việt ở Nam bộ, bên cạnh thờ Phật, người ta đã bắt đầu đặt ngẫu tượng bà Thiên Hậu cùng thờ, chẳng hạn chùa Vĩnh Phước An ở Sóc Trăng[23].

Trong bất kì hoạt động lễ hội nào diễn ra ở các miếu Thiên Hậu, người Việt đều tham gia với tất cả lòng cung kính, nhiệt thành. Và vì thế, để phục vụ đông đảo các tín đồ người Hoa và người Việt, ở nhiều miếu Thiên Hậu người ta tổ chức tế lễ và hát tuồng bằng tiếng phổ thông – tiếng Việt (Võ Văn Hoàng, 2009). Ở cộng đồng Khmer Nam bộ vùng Vĩnh Châu và nhiều nơi khác ở bán đảo Cà Mau, người ta cung kính thờ Thiên Hậu tại gia đình cùng với tổ tiên mình (Trần Hồng Liên, 2006). Trong các lễ hội gắn liền với miếu Thiên Hậu tại địa phương, người Khmer cũng tham gia nhiệt tình như người Hoa và người Việt.

Kết luận

Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu (Ma Tổ) hình thành từ nhu cầu bảo hộ đi biển của ngư dân và người tham gia buôn bán hàng hải ở vùng đông nam Trung Quốc từ cuối thời Đường. Thiên Hậu, một nữ vu sư quê ở Mi Châu, Bồ Điền, Phúc Kiến, Trung Quốc đã sớm trở thành nữ thần biển (Ma Tổ) trong tâm thức dân gian Phúc Kiến - Đài Loan, về sau lần lược được các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh sắc phong thành Phu nhân, Thiên phi và Thiên Hậu. Cùng với cao trào di dân người Hoa Nam xuống Đông Nam Á, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu được truyền bá vào ĐBSCL từ thế kỷ XVII cho tới nay qua hai con đường trực tiếp do người Hoa mang từ Trung Quốc sang hoặc gián tiếp do người Hoa mang vào Bắc Bộ, Trung Bộ rồi di dân xuống, sớm đã trở thành một dạng tín ngưỡng thờ Mẫu phổ biến ở Nam bộ, tồn tại song hành với các tục thờ Mẫu và nữ thần khác (Bà Chúa Xứ, Linh Sơn Thánh Mẫu, v.v…) tại vùng đất mới.

Với ít nhất 50 miếu thờ Thiên Hậu rải rác khắp ĐBSCL, trong đó phần nhiều là các miếu do người Hoa Triều Châu tổ chức xây dựng và sinh hoạt, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu đã làm phong phú thêm bức tranh văn hóa dân gian hết sức đặc thù và sống động của vùng đất này. Họ thường có phổ lựa chọn thần thánh chủ thờ rộng bao gồm Thiên Hậu Thánh mẫu, Phúc Đức Chánh Thần, Quảng Trạch Tôn Vương, Thiên Hậu, Quan Công, Bắc Đế và Cảm Thiên Đại Đế.

Tục thờ Thiên Hậu ở ĐBSCL cùng với các hoạt động nghi lễ, diễn xướng, các hoạt động văn hóa xã hội và các khía cạnh văn hóa vật thể gắn liền với nó dù mang các đặc trưng tính dân gian, tính linh hoạt và phi điển chế đã sớm trở thành một kênh gìn giữ, lưu truyền văn hóa truyền thống, cũng là một kênh giáo dục đạo đức, lối sống hiệu quả và sâu sắc người Hoa. Trong mối tương quan với văn hóa các tộc người Việt và Khmer trong vùng, tín ngưỡng Thiên Hậu được coi là một thứ di sản văn hóa đặc biệt của cộng đồng người Hoa, đã và đang góp phần quan trọng tạo nét đặc trưng văn hóa mang tính bản sắc của tộc người này.

Qua quá trình cộng cư và hòa nhập vào xã hội và văn hóa ĐBSCL do người Việt làm chủ thể, tục thờ Thiên Hậu đã có những biến đổi sâu sắc trong cả quan niệm lẫn thực hành tín ngưỡng. Thiên Hậu đã dần chuyển đổi chức năng từ vị thần bảo hộ đi biển, bảo hộ hàng hải thành vị phúc thần, thần bảo vệ

[22] Hiện tượng này hầu như không xảy ra ở cộng đồng người Chăm bởi các chế định chặt chẽ của Islam.

[23] Ngoài ĐBSCL, vùng Đông Nam Bộ cũng có hiện tượng tương tự. Ở Nghĩa Nhuận hội quán, một ngôi chùa người Việt thờ Thành hoàng bổn cảnh, người ta còn phối thờ cả Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Công (Nguyễn Đức Hiệp, 2011). Ở Chùa Tổ thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đây là một ngôi miếu thờ Tổ nghề của người Việt, người ta còn thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu (Võ Văn Hoàng, 2009).

cộng đồng, xóm làng, chuyên ban phát phúc đức, sự phồn sinh và thịnh vượng cho chúng sinh. Các nghi lễ thờ phụng Thiên Hậu nhìn chung vẫn giữ được chức năng truyền thống vốn dĩ rất hài hòa giữa chất *thiêng* và *tục* vốn có từ thời di dân, song cũng bổ sung, hỗn dung, thâu nạp nhiều yếu tố mới mang đặc trưng đồng bằng châu thổ trong thực tiễn giao lưu tiếp biến văn hóa mạnh mẽ ở địa phương. Trong tổ chức thực hành tín ngưỡng, nhiều yếu tố văn hóa giao thoa Hoa - Việt - Khmer đã được dung hòa sống động, nhất là trong cách thức phối tự, trong một số nghi thức phối hợp và quá trình người Việt, người Khmer tiếp nhận tín ngưỡng Thiên Hậu. Quá trình ấy giúp người Hoa làm giàu thêm phong tục của mình, đồng thời biến tục thờ Thiên Hậu thành một biểu tương giao lưu văn hóa sinh động tại ĐBSCL, và cả Nam bộ.

Ở một chừng mực nhất định, tục thờ Thiên Hậu đã bổ sung nền tảng và vai trò quan trọng trong việc định hình đặc trưng văn hóa khu vực. Hiện tượng giao thoa văn hóa Hoa, Việt, Khmer qua tục thờ Thiên Hậu có thể được xem là một mẫu hình của sự chung sống chan hòa và gắn bó các tộc người nhằm hướng tới sự phát triển mang tính bền vững tại vùng đất chín rồng.

Xã hội Việt Nam đang biến đổi, các bình diện đời sống xã hội đang biến đổi. Quá trình xã hội được đại đang "nhào nặn" nên một khuôn mặt văn hóa mới vừa kế thừa truyền thống vừa hướng đến nếp sống văn minh. Hiện trạng và quá trình phát triển của tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở ĐBSCL sẽ là một điển hình của quá trình văn hóa ấy. Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu vẫn giữ được khá nguyên vẹn cốt cách mối quan hệ giữa việc thờ thần thánh để làm thỏa mãn nhu cầu tâm linh lẫn đáp ứng đầu đủ các nhu cầu, chức năng xã hội, nhất là góp phần giáo dục đạo đức lối sống của từng cá nhân, gia đình và cộng đồng. Hơn thế nữa, Thiên Hậu còn là biểu tượng ý thức bản sắc tộc người của một bộ phận cư dân người Hoa ở địa phương. Chính vì thế, nghiên cứu tín ngưỡng thờ Thiên Hậu không chỉ có ý nghĩa ở khía cạnh nhận thức các bình diện, khía cạnh địa phương của văn hóa ĐBSCL mà còn góp phần thể hiện quá trình phát triển mang tính quy luật của văn hóa dân gian Việt Nam[24].

[24] Bài viết này được thực hiện dưới sự hỗ trợ của Quỹ Khoa học Công nghệ Quốc gia NAFOSTED (mã số: IV5.2-2012.20)

Special features of TianHou worship in the Mekong Delta

- **Nguyen Ngoc Tho**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The TianHou/ThienHau-worship cult originated from Fujian, China and was gradually brought into the South of Vietnam following the footsteps of South Chinese immigrants. There are around 50 TianHou temples built and owned by the Chinese and the Vietnamese at the Mekong Delta. In the Mekong residents' mind, TianHou is seen as a sea goddess, a protector, a benevolent Mother goddess who has been accepted through the channels of Mahayana Buddhism and traditional goddess beliefs. The religious practices at TianHou temples in the Mekong Delta have shown both the specific cultural traits of Vietnamese Chinese identities and the popular trends of multicultural exchanges by the local communities. This paper is to investigate the current situation of the cult of TianHou in the Mekong Delta to highlight the basic characteristics of this cult in the region.

Keywords: *TianHou/ThienHau, Mekong delta, multicultural exchanges, identities, Mother goddess worship*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Chu Thiên Thuận 1990: Tín ngưỡng Ma Tổ nên hòa hợp cùng xã hội đương thời, *Học báo Đại học Hạ Môn,* kì 4, trang 86-89 (朱天顺 1990：「妈祖信仰应与当前社会相协调」，《厦门大学学报》，第4期， 86-89 页）.

[2]. Đào Duy Anh 1957: *Việt Nam văn hóa sử cương,* Nxb Thuận Hóa, Huế.

[3]. Đặng Nghiêm Vạn 2001: *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam,* Nxb Chính trị Quốc gia.

[4]. Đoàn Ngọc Thạch 2013: *Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Triều Châu ở Tp. Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sỹ ngành Giáo dục Hán ngữ quốc tế, Đại học Sư phạm Phúc Kiến (段玉石,
《越南胡志明市潮州人的天后信仰》,
全日制专业型研究生硕士学位论文,
福建师范大学, 2013年6月).

[5]. Đặng Hoàng Lan 2014: "Lễ hội Thiên Hậu Thánh Mẫu của người Hoa ở Nam bộ (nghiên cứu trường hợp tại Thiên Hậu Cung – Thủ Dầu Một, Bình Dương và Miếu Thiên Hậu – Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh", *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam bộ - bản sắc và giá trị*, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 439-448

[6]. Đặng Thanh Nhàn 2010: *Di tích lịch sử - văn hóa đình Minh Hương Gia Thạnh,* Ban Quản trị Đình Minh Hương Gia Thạnh.

[7]. Fujiwara Riichirō 1949: "Hoa kiều thời Chúa Nguyễn ở Đàng Trong: chính sách của Chúa Nguyễn đối với Hoa kiều", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Dương*, quyển 10 kỳ 5 (藤原利一郎，1949。〈廣南王阮氏と華僑：特に阮氏の對華僑方針について〉《東洋史研究》10卷5期)

[8]. Hellen Hye-Sook Hwang 2008: "Issues in studying Mago, the great goddess of East Asia: primary sources, gynocentric history, and nationalism", *The Constant and changing faces of the goddess: Goddess traditions of Asia* (etd. by Deepak Shimkhada and Phyllis K. Herman), Cambridge Scholars Publishing, pgs. 10-32

[9]. Hứa Văn Đường, Tạ Kỳ Ý 2000: B*iên khảo sử liệu ghi chép về quan hệ nhà Thanh - Việt Nam trong Đại Nam Thực Lục*, Đài Bắc: Kế hoạch Nghiên cứu khu vực Đông Nam Á của Viện Nghiên cứu Trung ương (許文堂、謝奇懿編，2000。《大南實録清越關係史料彙編》，
台北：中央研究院東南亞區域研究計畫).

[10]. http://livecantho.com/du-lich-can-tho/tim-hieu-can-tho/thien-hau-mieu-cai-rang

[11]. http://tindulich.vn/news-non-nuoc-viet-nam/tong-quan/22114-mieu-ba-thien-hau-dau-an-cua-nguoi-hoa-o-ca-mau.html

[12]. James Edwin Oliver 1959: *The cults of the Mother Goddess*, Praeger.

[13]. Kenneth Dean 1998: *Lord of the Three In one: the spread of a cult in Southeast China*, Princeton University Press

[14]. La Xuân Vinh 2006: *Nghiên cứu văn hóa Ma Tổ*, NXB Cổ tịch Thiên Tân (罗春荣 2006：《妈祖文化研究》, 天津古籍出版社)。

[15]. Liu Tik-sang 2000: *The Cult of Tian Hou (Empress Heaven) in Hong Kong*, Hong Kong: Joint Publishing Co. Ltd.

[16]. Lý Hiến Chương 1995: *Ma Tổ*, Bảo tàng Hải Sự Macau (李献璋
1995：《妈祖，澳门海事博物馆).

[17]. Lý Lộ Lộ 2003: *Thần vận Ma Tổ*, NXB Học Phạm (李露露
2003：《妈祖神韵》，学范出版社).

[18]. Mã Thư Điền, Mã Thư Hiệp 2006: *Toàn tượng Ma Tổ*, NXB Mỹ thuật Giang Tây (马书田，马书侠
2006：《全像妈祖》，江西美术出版社).

[19]. MioYuko (三尾裕子) 2008. "Sojouring and Indigenization of Chinese Immigrants: A Case Study from Hoi An, Vietnam.", *Anthropology*, Tokyo University of Foreign Studies (三尾裕子（編）《東南アジアにおける中国系住民の土著化･クレオール化についての人類学的研究》,
東京：東京外国語大学)。

[20]. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) 2001. *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội

[21]. Nguyễn Ngọc Thơ 2009: *Goddess beliefs in Chinese Ling'nan area*, www.harvard-yenching.org

[22]. Nguyễn Ngọc Thơ 2011: "Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Hoa Nam", *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ*, tập 14: 42-60.

[23]. Nguyễn Thị Lệ Hằng 2014: "Yếu tố tích hợp trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt tại Miễu Hoả Đức Tinh Quân ở Vĩnh Kim, Châu Thành, Tiền Giang", *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam bộ - bản sắc và giá trị*, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 568-581

[24]. Nguyễn Như Ý (chủ biên) 2004: *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin.

[25]. Phan An-Phan Yến Tuyết-Trần Hồng Liên-Phan Ngọc Nghĩa 1990: *Chùa Hoa TP. HCM*, NXB TP.HCM ,1990

[26]. Phan An chủ biên (1990), *Người Hoa quận 6 TP. HCM*, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 TP. HCM

[27]. Phan An 2002: "Tục thờ cúng Bà Thiên Hậu của người Hoa ở TP. HCM", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3-2002, tr. 54-57

[28]. Phan An, Trần Đại Tân, Lưu Kim Hoa, Lê Quốc Lâm 2006: *Góp phần tìm hiểu văn hóa người Hoa ở Nam bộ*, Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc TP. HCM, Nxb Văn hóa-thông tin

[29]. Phan Thị Hoa Lý 2010: "Truyền thuyết Thiên Hậu ở Trung Quốc và Việt Nam", www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn.

[30]. Phan Thị Hoa Lý 2014: "Thờ Thiên Hậu ở miếu của người Việt tại Tp. Hồ Chí Minh – sự dung hợp đa văn hóa", *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam bộ - bản sắc và giá trị*, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 418-430

[31]. Phú Văn Hẳn 2011: "Tín ngưỡng thờ Mẫu ở đồng bằng sông Cửu Long", tài liệu đánh máy của tác giả.

[32]. Patricia Monaghan 1990: *The book of goddesses and heroines*, Llewellyn Publications, USA.

[33]. Steven Sangren 1987: "Mazu's black face: individuals and collectivities in Chinese magic and religion", *The historical legacy of religion in China*, The Harvard Buddhist Studies Forum and The Depart ment of East Asian Languages and civilizations

[34]. Ter Haar 1990: "The genesis and spread of temple cults in Fukien", *Development and decline of Fukien province in the 17th and 18th century*, Leiden: E.J.Brill.

[35]. Thái Tương Huy 2006: *Chuyên đề tín ngưỡng dân gian Đài Loan: Ma Tổ*, Đại học Không Trung (蔡相辉 2006：《台湾民间信仰专题：妈祖》，国立空中大学)

[36]. Trần Cảnh Hòa 1960: "Quân Trịnh Thành Công di cư đến xứ Nam Kỳ thời Thanh sơ", *Tân Á Học Báo*, quyển 5, kỳ 1 (陳荊和1960。〈清初鄭成功殘部之移殖南圻(上)〉《新亞學報》5卷，1期).

[37]. Trần Cảnh Hòa (Chen, Ching-ho 陳荊和) 1960: "Mấy điều nhận xét về Minh-hương-xã và các cổ tích tại Hội-an (1/2)". *Việt-Nam Khảo- Cổ Tập San* (số 1), Sài Gòn: Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

[38]. Tran Hong Lien 2006: "Integration of chinese community in Vietnam", trong sách "Cultural Encounters between people of Chinese Origin and Local people: case studies from the Phlippines and Vietnam.". Edited by Yuko Mio. Research Institute for Languages and Cultures of Asia and Africa (ILCAA). Tokyo University of Foreign Studies. pp. 87-95.

[39]. Trần Hồng Liên 2005: *Văn hóa người Hoa ở Nam bộ*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội

[40]. Trần Hồng Liên 2006: "Tục thờ cúng và lễ hội truyền thống của Bà Thiên Hậu ở Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế", Tham luận *Hội thảo Folklore Châu Á, Viện Văn hóa dân gian*.

[41]. Trần Hồng Liên chủ biên 2007: *Góp phần tìm hiểu văn hóa người Hoa ở TP. HCM*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[42]. Trần Lương Châu, Hứu An Tâm 1999: "Văn hóa Ma Tổ và kinh doanh trên thương trường", *Văn hóa Thương nghiệp*, số 12 (陈良珠、许安心:「妈祖文化与市场营销」，《商业文化》，1999，第12期).

[43]. Tsai Maw Kuey (1968), *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam*, Bộ Quốc gia Giáo dục (Tsai Maw Kuey 1968: *Les Chinois au Sud Vietnam*. Paris: Bibliotheque Nationale. Bản dịch Việt : *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam. Luận án Tiến sĩ*, Thư viện Quốc gia Paris.)

[44]. Từ Hiểu Vọng (2007), *Nghiên cứu lịch sử tín ngưỡng Ma Tổ*, NXB Hải Phong, Trung Quốc (徐曉望(2007)，《媽祖信仰史研究》，海風出版社)。

[45]. Võ Thanh Bằng (2005), *Tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở Nam bộ*, Luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ.

[46]. Võ Văn Hoàng 2009: "Tiếp xúc và giao lưu văn hóa của cộng đồng người Hoa ở Nam bộ",

http://vn.360plus.yahoo.com/hoangcamchau/article?mid=65&fid=-1

[47]. Wolfram Eberhard, *The local cultures of South and East China*, translated from German by Alide Eberhard, Leiden E.J. Brill, 1968.